

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Số: 09 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động
của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/02/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 08/4/2014 của Bộ Tài chính ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu tại Tờ trình số 16/HĐQL-QĐTPT, ngày 28 tháng 12 năm 2015 về việc phê duyệt điều chỉnh Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 42/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 20/3/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch & Đầu tư; Kho bạc Nhà nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; Giám đốc Quỹ; Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh và Thủ trưởng các Sở, Ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn Phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh Ủy, TTr.HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Lưu VT



Nguyễn Thành Long

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động

của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /QĐ-UBND

ngày 08 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là Quỹ) được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định 138/2007/NĐ-CP); Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138/2007/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định 37/2013/NĐ-CP).

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Ngoài các thuật ngữ quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Vốn điều lệ” là mức vốn quy định tại Điều lệ này.
2. “Vốn điều lệ thực có” là số vốn điều lệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thực cấp cho Quỹ và được phản ánh trên sổ sách kế toán của Quỹ để hoạt động theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.
3. “Người có liên quan” là cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản lý, Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của Quỹ.
4. “Vốn hoạt động” là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ tại một thời điểm.
5. “Đầu tư trực tiếp vào các dự án” là việc Quỹ sử dụng vốn hoạt động của mình để đầu tư vào các dự án; trong đó, Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.
6. “Cho vay hợp vốn” là việc Quỹ và các tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án, trong đó Quỹ hoặc một tổ chức khác đứng ra làm đầu mối phối hợp và thực hiện cho vay.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở và vốn điều lệ của Quỹ

1. Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu là một tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương, được thành lập theo Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để cho vay, đầu tư vào dự án, doanh nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Vốn điều lệ của Quỹ: *500 (năm trăm) tỷ Việt Nam đồng (Phần vốn ngân sách tinh cấp theo Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 18/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh).*

3. Tên gọi của Quỹ:

a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu

b) Tên viết tắt: BVDIF

c) Tên giao dịch quốc tế: Ba Ria - Vung Tau Development Investment Fund

4. Địa chỉ Trụ sở chính: Số 38 Nguyễn Trường Tộ, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

5. Điện thoại, fax, trang điện tử:

a) Điện thoại: 064.3857071

b) Fax: 064.3857797

c) Trang thông tin điện tử: www.bvdif.vn

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ là một tổ chức tài chính nhà nước của địa phương, thực hiện chức năng đầu tư phát triển và đầu tư tài chính theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Điều 5. Tổ chức bộ máy

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ bao gồm:

a) Hội đồng quản lý bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên;

b) Ban kiểm soát: Trưởng ban kiểm soát và các thành viên;

c) Bộ máy điều hành bao gồm: Ban giám đốc (Giám đốc và các Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và các Phòng, Ban nghiệp vụ.

2. Việc thay đổi lại cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý quyết định theo thẩm quyền quy định tại Điều 7 và Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 6. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương; bố trí nguồn để cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ theo phương án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hoặc phê duyệt Điều lệ sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 và Khoản 1 Điều 11 Điều lệ này.

4. Phê duyệt chiến lược hoạt động dài hạn; xem xét, chấp thuận kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ.

5. Quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này.

6. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc tổ chức lại, giải thể Quỹ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

7. Phê duyệt các dự án cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 10, Điều 13 và Điều 22 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

8. Quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ trong từng thời kỳ theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Điều lệ này.

9. Quyết định cho vay đối với các dự án có thời hạn cho vay trên 15 năm.

10. Xem xét chấp thuận việc cho vay hợp vốn trong trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn đối với dự án không thuộc địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

11. Quyết định việc khoanh nợ, xóa nợ gốc theo quy định tại Khoản 11 Điều 11 Điều lệ này.

12. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát Quỹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 và Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này.

13. Phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

14. Phê duyệt Quy chế tuyển dụng lao động của Quỹ; Quyết định bổ nhiệm, bô nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng hoặc các chức danh khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Thực hiện quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn.

16. Phê duyệt kết quả đánh giá xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ.

17. Chấp thuận mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn chênh lệch thu chi của Quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

18. Chấp thuận báo cáo tài chính và quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ.

19. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Quỹ.

2. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

3. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ và lãi suất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định cho vay, nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ đối với các dự án quy định tại Khoản 5 Điều 11 Điều lệ này, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

4. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho Quỹ đối với các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Mục 1

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA QUỸ

Điều 9. Hoạt động huy động vốn

1. Quỹ được huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quỹ theo quy định hiện hành, bao gồm:

a) Vay các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng vay vốn. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về vay nợ nước ngoài;

b) Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ không được thực hiện huy động vốn ngắn hạn.

3. Giới hạn huy động vốn của Quỹ: Tổng mức vốn huy động tại khoản 1 Điều này tối đa bằng 6 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ tại cùng thời điểm.

4. Trường hợp huy động vốn cho ngân sách tinh được thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tinh và không tính vào nguồn vốn huy động của Quỹ.

Điều 10. Hoạt động đầu tư trực tiếp

1. Đối tượng đầu tư:

a) Đối tượng đầu tư trực tiếp là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân tinh quyết định ban hành hàng năm hoặc theo từng thời kỳ.

b) Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân tinh quyết định ban hành, Quỹ lựa chọn, thẩm định và quyết định đầu tư trực tiếp vào các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Điều kiện đầu tư:

a) Dự án đầu tư đã được quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Dự án đầu tư phải có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

3. Phương thức đầu tư :

a) Quỹ có thể đầu tư với tư cách là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn với các tổ chức khác để đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tinh và quy định tại Điều lệ này.

b) Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức đầu tư :

a) Tuỳ từng điều kiện cụ thể, Quỹ được lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây:

- Đầu tư theo các hình thức: Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT), hợp tác công tư (PPP) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đầu tư.

- Tìm kiếm dự án, thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư sau đó thực hiện đầu tư, hoặc chuyển nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư.

b) Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

5. Giới hạn đầu tư : Giới hạn tỷ lệ vốn đầu tư trực tiếp vào các dự án của Quỹ tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

6. Thẩm quyền quyết định đầu tư :

a) Mức vốn đầu tư đối với một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Mức vốn đầu tư đối với một dự án từ trên 10 tỷ đồng đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

c) Mức vốn đầu tư đối với một dự án đến 10 tỷ đồng do Giám đốc Quỹ quyết định.

d) Giám đốc Quỹ lựa chọn dự án trong danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm hoặc theo thời kỳ đề thẩm định, dự kiến mức vốn đầu tư đối với từng dự án để quyết định hoặc trình Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định theo thẩm quyền.

e) Trên cơ sở quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện đầu tư.

g) Việc tổ chức quản lý đối với từng dự án do Giám đốc Quỹ quyết định hoặc trình Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định trong phạm vi phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư.

Điều 11. Hoạt động cho vay

1. Đối tượng cho vay:

Đối tượng cho vay là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành hàng năm hoặc theo từng thời kỳ.

2. Căn cứ vào đối tượng cho vay tại Khoản 1 Điều này Quỹ lựa chọn, thẩm định và quyết định cho vay các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện cho vay theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Điều kiện cho vay: Quỹ chỉ thực hiện cho vay khi chủ đầu tư bảo đảm có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật.
- b) Có phương án sản xuất, kinh doanh có lãi và phương án bảo đảm trả được nợ.
- c) Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam.
- d) Chủ đầu tư là các tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

4. Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 (mười lăm) năm. Trường hợp đặc biệt vay trên 15 năm do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Lãi suất cho vay:

a) Lãi suất cho vay của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ và đảm bảo bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

b) Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất quy định tại Điều a Khoản 5 Điều này Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

c) Quỹ được quyền quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Điều b Khoản 5 Điều này.

d) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Khoản 1 Điều này với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại Điều b Khoản 5 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất tối thiểu của Quỹ và lãi suất chi định cho vay đối với dự án đó để Quỹ thực hiện nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn.

e) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với một dự án cụ thể thì phải đảm bảo các điều kiện sau :

- Đối tượng được nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là chủ đầu tư vào dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Điều lệ này.

- Có quyết định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với từng dự án cụ thể, trong đó phải quy định rõ : Đối tượng được nhận hỗ trợ; phương thức, thời điểm và mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ trong

việc thẩm định dự án và giải ngân hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng được nhận hỗ trợ và của các bên có liên quan khác.

- Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm bố trí đủ nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ theo quy định tại Khoản 5 Điều này để đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn hoạt động của Quỹ.

g) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định của Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định tại thoả thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

6. Giới hạn cho vay:

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án.

Trường hợp Quỹ thực hiện đồng thời vừa đầu tư trực tiếp và vừa cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

c) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay, đầu tư trực tiếp khác với quy định của Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định tại thoả thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

7. Thẩm quyền quyết định cho vay :

a) Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15 % vốn chủ sở hữu của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Mức vốn cho vay đối với một dự án từ trên 10 tỷ đồng đến 15 % vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

c) Mức vốn cho vay đối với một dự án đến 10 tỷ đồng do Giám đốc Quỹ quyết định.

d) Giám đốc Quỹ lựa chọn dự án trong danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm hoặc theo thời kỳ để thẩm định, dự kiến mức vốn cho vay đầu tư đối với từng dự án để quyết định hoặc trình Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định dự án được cho vay đầu tư và mức vốn cho vay đầu tư từng dự án theo thẩm quyền.

e) Trên cơ sở quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm thẩm định và hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện cho vay đầu tư.

8. Bảo đảm tiền vay: Căn cứ vào đặc điểm của từng dự án đầu tư, Quỹ lựa chọn một, một số hoặc tất cả các biện pháp bảo đảm tiền vay sau đây:

a) Cầm cố, thế chấp tài sản của chủ đầu tư;

b) Cầm cố, thế chấp bằng tài sản và quyền khai thác tài sản hình thành từ nguồn vốn vay;

c) Bảo lãnh của bên thứ ba;

d) Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

9. Cho vay hợp vốn :

a) Quỹ được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ khác, tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

b) Trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn đối với dự án không thuộc địa bàn tỉnh, thành phố nơi Quỹ hoạt động thì việc cho vay hợp vốn phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- Dự án phải thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Điều lệ này;

- Dự án có tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội liên vùng, bao gồm cả địa phương nơi Quỹ hoạt động;

- Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho vay hợp vốn ở ngoài địa bàn tỉnh, thành phố chấp thuận.

c) Việc cho vay hợp vốn phải thành lập hợp đồng với các điều kiện, điều khoản tuân thủ đúng quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này.

d) Lãi suất cho vay hợp vốn do Quỹ tự quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Điều lệ này.

10. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư thực hiện theo quy định của Nhà nước áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

11. Xử lý rủi ro:

a) Rủi ro xảy ra cho các dự án vay vốn của Quỹ do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

- Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án mà dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ; xoá, giảm lãi tiền vay; khoanh nợ.

- Trường hợp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà chủ đầu tư không trả được nợ và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

+ Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;

+ Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);

+ Được xem xét, xóa nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

b) Thẩm quyền xử lý rủi ro:

- Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay.

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc xóa nợ lãi.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tinh quyết định việc khoanh nợ, xóa nợ gốc. Trường hợp xóa nợ gốc, sau khi quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tinh báo cáo Hội đồng nhân dân tinh.

Điều 12. Hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp

1. Quỹ được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn (gọi là doanh nghiệp) theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được Ủy ban nhân dân tinh ban hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Điều lệ này.

2. Thẩm quyền quyết định góp vốn:

a) Mức góp vốn đối với một doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Ủy ban nhân dân tinh quyết định;

b) Mức góp vốn đối với một doanh nghiệp từ trên 10 tỷ đồng đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

c) Mức góp vốn đối với một doanh nghiệp đến 10 tỷ đồng do Giám đốc Quỹ quyết định.

d) Giám đốc Quỹ lựa chọn nhà đầu tư có nhu cầu thành lập doanh nghiệp để đầu tư vào dự án trong danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tinh ban hành hàng năm hoặc theo thời kỳ để thẩm định, dự kiến mức vốn góp thành lập doanh nghiệp để quyết định đầu tư theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tinh xem xét quyết định chọn nhà đầu tư và mức vốn góp thành lập doanh nghiệp theo thẩm quyền.

e) Trên cơ sở quyết định của Ủy ban nhân dân tinh hoặc của Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm thẩm định và hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện góp vốn thành lập doanh nghiệp.

3. Giới hạn góp vốn: Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

4. Quỹ thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua đại diện của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp.

Việc cử đại diện phân vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền quyết định trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp về mức vốn đối với một doanh nghiệp.

5. Người quyết định cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn không được là người có liên quan với người được cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp đó.

6. Quỹ có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã góp vào doanh nghiệp và các quyền có được từ phần vốn đã góp để thu hồi vốn.

Việc chuyển nhượng thực hiện theo Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn và các quy định của pháp luật. Giá chuyển nhượng thực hiện theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng.

Cấp nào quyết định góp vốn thì quyết định việc chuyển nhượng phần vốn góp của Quỹ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 13. Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác

1. Nhận ủy thác:

a) Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư và thu hồi nợ; Cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác.

b) Quỹ được nhận ủy thác quản lý hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; quỹ phát triển nhà ở, quỹ phát triển đất, quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã và các quỹ tài chính địa phương khác do Ủy ban nhân dân tinh thành lập; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn khác từ ngân sách, các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đó.

c) Quỹ được thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tinh để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí cụ thể được thoả thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

2. Ủy thác:

a) Quỹ được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ thông qua hợp đồng ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

b) Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng phí dịch vụ ủy thác. Mức phí cụ thể được thoả thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

Điều 14. Chức năng nhiệm vụ khác

1. Hoạt động huy động vốn cho ngân sách địa phương: Quỹ tổ chức, thu xếp việc huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật, bao gồm cả phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tinh.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nhưng không trái với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Mục 2 TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 15. Trách nhiệm của Quỹ

1. Thực hiện các hoạt động theo quy định tại Mục 1 Chương II Điều lệ này.
2. Đầu tư đúng quy định, đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả; thu hồi kịp thời, đầy đủ cả nợ gốc và nợ lãi.
3. Thực hiện đúng chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.
4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.
5. Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.
6. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Nhà nước có liên quan đến hoạt động của Quỹ. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.
7. Quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn; bảo đảm an toàn và phát triển vốn; tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro.
8. Thực hiện đúng hạn, đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ của Quỹ đối với các khoản vốn mà Quỹ đã huy động từ các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật.
9. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quyền hạn của Quỹ

1. Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ;
2. Được tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này;
3. Được quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao, vốn huy động; khai thác các nguồn lực nhằm tăng nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này;
4. Được lựa chọn các dự án có hiệu quả thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 10, Khoản 1 Điều 11 Điều lệ này để quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc

góp vốn thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thực hiện cho vay, đầu tư trực tiếp hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về quyết định của mình (bao gồm cả việc cấp bù chênh lệch lãi suất, cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Điều lệ này) để đảm bảo nguyên tắc, nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

5. Được đầu tư vào các dự án với tư cách là chủ đầu tư hoặc đồng chủ đầu tư; cho vay hoặc hợp vốn cho vay đối với các dự án; góp vốn thành lập doanh nghiệp; ủy thác và nhận ủy thác theo quy định tại Điều lệ này. Được cử người đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn.

6. Được yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án; định giá tài sản đảm bảo tiền vay; phân tích, đánh giá và giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án.

7. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; định giá tài sản đảm bảo tiền vay.

8. Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân vay vốn tại Quỹ; tình hình tài sản đảm bảo tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.

9. Được đình chỉ hoặc báo cáo cấp thẩm quyền quyết định đình chỉ việc cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp; thu hồi các khoản cho vay, đầu tư trực tiếp trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật.

10. Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, đầu tư vốn nếu xét thấy trái pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị, cá nhân vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ.

11. Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

12. Được cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo Quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản của Quỹ.

13. Được sử dụng tối đa 10% vốn chủ sở hữu để đầu tư xây dựng mới, mua sắm và sửa chữa tài sản cố định. Thẩm quyền quyết định, phê duyệt hạn mức đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản theo quy định tại Quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản của Quỹ và theo các quy định liên quan của pháp luật.

14. Được tuyển dụng, thuê, bố trí, sử dụng, quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng Ban quản lý điều hành và người lao động; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng

trên cơ sở kết quả hoạt động của Quỹ và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

15. Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng pháp luật Việt Nam.

16. Được liên hệ với các ngành, chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

17. Được mời và tiếp các đối tác đầu tư, kinh doanh nước ngoài; được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của pháp luật.

18. Được ban hành các quy chế, quy định, quy trình hoạt động để làm căn cứ triển khai hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của Quỹ trong từng thời kỳ.

19. Được từ chối mọi yêu cầu của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ** **Mục 1** **HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ**

Điều 17. Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, được ủy quyền tổ chức thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu; quyết định và tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ theo quy định tại Chương II Điều lệ này. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ điều kiện thực tế quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản lý theo nguyên tắc số lượng thành viên Hội đồng quản lý phải là số lẻ.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có tối đa năm (05) người. Trong đó có đại diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước và Giám đốc Quỹ.

3. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý (sau đây gọi chung là thành viên Hội đồng quản lý). Các thành viên khác của Hội đồng quản lý có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ quản lý khác tại Quỹ.

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Xem xét và thông qua chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính dài hạn để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thẩm tra và thông qua báo cáo quyết toán của Quỹ. Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.
4. Xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định về mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ theo quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 11 Điều lệ này;
5. Xem xét, quyết định việc đầu tư trực tiếp, cho vay đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp, cử người đại diện phần vốn góp tại doanh nghiệp được Quỹ góp vốn trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.
6. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật.
7. Xem xét, giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.
8. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương thức tổ chức, bộ máy quản lý điều hành Quỹ; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nội vụ.
9. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát Quỹ; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.
10. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.
11. Thông qua đề nghị của Giám đốc Quỹ, ban hành các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ, bao gồm: Quy chế hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành Quỹ; Quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản của Quỹ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế lao động, tiền lương; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế huy động vốn; Quy chế đầu tư trực tiếp; Quy chế cho vay; Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp; Quy chế quản lý rủi ro; Quy chế quản lý tài sản bảo đảm tiền vay và các quy chế hoạt động, nghiệp vụ khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ.

12. Ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ ban hành một số quy định có liên quan để phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.
13. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
14. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ để quyết định theo thẩm quyền.
15. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.
16. Quyết định gia hạn nợ theo thẩm quyền; quyết định xoá nợ lãi vay cho vay đầu tư theo quy định của pháp luật. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khoanh nợ, xóa nợ gốc theo quy định tại Khoản 11 Điều 11 Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
17. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn.
18. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ; báo cáo tài chính, quyết toán chênh lệch thu chi Quỹ; mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thường Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Quỹ;
19. Thẩm tra và thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của Quỹ; phương án sử dụng lợi nhuận (sau khi trừ đi các khoản phải thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước “nếu có”); xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;
20. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng và chịu trách nhiệm cá nhân từng thành viên Hội đồng về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.
21. Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán hàng năm để kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Trưởng ban kiểm soát Quỹ.
22. Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền.
23. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền hoặc phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản lý:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực: tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị;

c) Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;

đ) Không có người liên quan giữ chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên Ban Kiểm soát, Thủ quỹ tại Quỹ;

e) Không phải là người liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý;

g) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

c) Vi phạm nghiêm trọng các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghi hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bãi nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- a) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách cấp và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ;
- b) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ;
- c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này;
- d) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;
- đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các Quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;
- e) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền;
- g) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Tham dự họp Hội đồng quản lý Quỹ; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;
- c) Yêu cầu Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Quỹ cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ để phục vụ công tác của mình. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý có nghĩa vụ:

- a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;
- b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh;
- c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác.

Điều 21. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

- 1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách

nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý vắng mặt tại cuộc họp phải có thông báo bằng văn bản về lý do vắng mặt. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) làm chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng quản lý phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày họp. Nội dung cuộc họp theo đúng chương trình đã được thông báo trước và phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý. Thành viên Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép rõ ràng, đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký tên xác nhận. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý, Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Quỹ phải có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản lý Quỹ ký thay.

Điều 22. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý; chế độ lương, thưởng, phụ cấp của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

1. Mọi chi phí hoạt động, chế độ lương, thưởng, phụ cấp của Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định hiện hành và được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản lý Quỹ được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành áp dụng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn. Các thành viên kiêm nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ được hưởng phụ cấp trách nhiệm và tiền thưởng theo quy định về chế độ kiêm nhiệm.

Mục 2 BAN KIỂM SOÁT QUÝ

Điều 23. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát có chức năng giúp Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát việc Quỹ chấp hành các chính sách chế độ theo quy định của pháp luật; các quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; Nghị quyết, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Ban kiểm soát có tối đa không quá ba (03) thành viên, trong đó có một (01) Trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban kiểm soát, số lượng thành viên Ban kiểm soát và chế độ làm việc (chuyên trách hoặc không chuyên trách) do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ vào quy mô, tính chất và điều kiện thực tế hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên ban kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ

1. Thực hiện các nhiệm vụ quy định cụ thể tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Lập kế hoạch thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra trước Hội đồng quản lý Quỹ. Trường Ban kiểm soát có quyền đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc trong trường hợp không được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triệu tập phiên họp bất thường để báo cáo những vấn đề khẩn cấp làm phương hại đến hoạt động của Quỹ.

b) Trình bày báo cáo, kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, kết quả thẩm định về quyết toán tài chính tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không tham gia biểu quyết.

c) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật; quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tinh. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm chính sách, chế độ theo quy định, Ban kiểm soát Quỹ có trách nhiệm thông báo với Ủy ban nhân dân tinh, đồng thời yêu cầu Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý và bộ máy quản lý, điều hành Quỹ chấm dứt hành vi vi phạm, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và có giải pháp khắc phục hậu quả;

d) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tinh giao.

2. Ban kiểm soát có các quyền hạn sau đây:

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ;

b) Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý, họp Ban giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. Quỹ phối hợp với Ban kiểm soát xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

d) Được hưởng lương, phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

3. Ban kiểm soát có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các Quyết định, Nghị quyết của Ủy ban nhân dân tinh và Hội đồng quản lý Quỹ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tinh;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ; không lợi dụng thông tin, chức vụ, tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ủy ban nhân dân tinh về hoạt động của Quỹ theo chế độ quy định;

đ) Trường Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tinh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi

phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Các nghĩa vụ khác theo các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 25. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;

c) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ; không là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ hoặc là người có liên quan của người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này;

d) Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng;

đ) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có trình độ đại học trở lên trong các ngành tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực này;

c) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát trong trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

- c) Lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, vi phạm nghiêm trọng các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;
- d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;
- d) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;
- e) Nghỉ hưu;
- g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền.

Mục 3 GIÁM ĐỐC QUỸ

Điều 26. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Quỹ và các Nghị quyết, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Giám đốc Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Giám đốc Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

Điều 27. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

- 1. Quản lý và điều hành các hoạt động của Quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, pháp luật của Nhà nước và các quyết định của Hội đồng quản lý.
- 2. Đề xuất và trình Hội đồng quản lý Quỹ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này.
- 3. Trình Hội đồng quản lý ban hành Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.
- 4. Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý; ký các văn bản thuộc phạm vi điều hành của Giám đốc Quỹ.
- 5. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột suất về tình hình hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính.
- 6. Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm bảo toàn phát triển vốn, tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, đào tạo cán bộ, nhân viên, người lao động theo quy định. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh Trưởng phòng, ban nghiệp vụ và tương đương trở xuống.

8. Ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy trình nội bộ để tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ.

9. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Quỹ.

10. Xây dựng chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng chiến lược, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua Đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

11. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

12. Căn cứ các quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành để xây dựng, ban hành các quy trình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

13. Lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; trích lập và sử dụng các quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

14. Đề nghị Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, kế toán trưởng của Quỹ thông qua Sở Nội vụ.

15. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và Điều lệ này.

Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng; đồng thời, phải có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.

3. Không phải người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Phó Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, thủ quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ.

4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiếu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là thành viên của Hội đồng quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Giám đốc Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc Quỹ theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này;
 - b) Không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng;
 - c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các Nghị quyết, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đến mức bị kỷ luật;
 - d) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác;
 - e) Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ;
 - f) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;
 - g) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;
 - h) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;
 - i) Nghỉ hưu;
 - k) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Mục 4

PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BỘ MÁY NGHIỆP VỤ CỦA QUÝ

Điều 30. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thông qua Sở Nội vụ.
2. Phó Giám đốc có nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc trong việc điều hành Quỹ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Giám đốc giao phù hợp với Điều lệ tổ chức

và hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Kế toán trưởng:

a) Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;

b) Kế toán trưởng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Kế toán và pháp luật có liên quan.

4. Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Ủy ban nhân dân tinh quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Bộ máy nghiệp vụ

1. Các Phòng, ban nghiệp vụ của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giao.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo các phòng, ban nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ quyết định.

3. Lãnh đạo các phòng, ban nghiệp vụ và người lao động làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 32. Tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng lao động, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo của Quỹ được thực hiện theo Quy chế tuyển dụng lao động do Ủy ban nhân dân tinh phê duyệt.

Chương IV CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Điều 33. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành.

2. Quỹ tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Hàng năm, báo cáo tài chính của Quỹ phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

Chương V XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 34. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 35. Tổ chức lại, giải thể Quỹ

1. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy quản lý, điều hành của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc thay đổi quy định, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, tổng kết kinh nghiệm về các mặt hoạt động để đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định hiện hành của pháp luật. /X/

